

Số: /TC-STP

Lai Châu, ngày

tháng 7 năm 2025

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 6 năm 2025

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 6 năm 2025, như sau:

A. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 6 năm 2025 Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành 5 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

I. Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 18/6/2025 Bãi bỏ Nghị quyết số 56/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

2. Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 18/6/2025 Quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 18/6/2025 Quy định mức thu phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

II. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 Quy định một số nội dung thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 Ban hành Quy chế kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai, đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

B. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trên cơ sở thông tin do các Sở, ngành cung cấp, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của 5 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 6 năm 2025 như sau:

1. Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 18/6/2025 Bãi bỏ Nghị quyết số 56/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

1.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 18/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 28/6/2025.

Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 56/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013; tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất, đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, quy định “*Hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành áp dụng từ ngày 01 tháng 01 hàng năm*”.

Tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: “*Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất do Sở Tài chính chủ trì xác định theo từng khu vực, tuyến đường, vị trí tương ứng với từng mục đích sử dụng đất phù hợp với thị trường và điều kiện phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hàng năm sau khi xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp*”.

Tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ: “*Hệ số điều chỉnh giá đất do Sở Tài chính nơi đặt Khu kinh tế chủ trì phối hợp với Ban quản lý Khu kinh tế và các cơ quan liên quan xác định theo từng vị trí đất, khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất phù hợp với thị trường và điều kiện phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hàng năm sau khi xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và công bố công khai trong quá trình triển khai thực hiện*”. Tuy nhiên, theo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Công văn số 413/UBTVQH15-CTĐB ngày 08/2/2023 “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh*

giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất”; Theo đó, Sở Tài chính đã chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 56/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Đến nay Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã được thay thế bởi Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tại Khoản 3 Điều 159 Luật Đất Đai năm 2024: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo.*”

Để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời tuân thủ đúng quy định về hiệu lực của văn bản theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2020*), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020*); Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 56/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Mục đích ban hành

Việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật nhằm chấm dứt hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật đã không phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước, đảm bảo tính đảm tính thống nhất, phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành.

1.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND gồm 2 Điều;

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 56/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

2. Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 18/6/2025 Quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 18/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 45/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 10/8/2021 Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 45/2021/NQ-HĐND quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh để thực hiện Điểm a, Khoản 1, Điều 11, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ. Theo đó Nghị quyết số 45/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh đã quy định mức trợ cấp ngày công lao động: 130.000 đồng/người/ngày (trong khi đó Chính phủ quy định không thấp hơn 119.200 đồng/người/ngày)

Ngày 04/02/2025 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 16/2025/NĐ-CP để sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ; Nghị định có hiệu lực thi hành ngày 23/3/2025. Theo đó tại Điểm a, Khoản 4, Điều 1, Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ quy định:

“a) Mức trợ cấp ngày công lao động do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, nhưng không thấp hơn 327.600 đồng; trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức trợ cấp tăng thêm không thấp hơn 50% mức trợ cấp ngày công lao động hiện hưởng;

Trường hợp dân quân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố, giải thoát con tin, trấn áp tội phạm, giải tán biểu tình, bạo loạn; phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm ở khu vực nguy cơ lây nhiễm cao; cứu sập, cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy, khắc phục sự cố thảm họa ở khu vực nguy hiểm đến tính mạng theo quyết định của Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương cấp huyện trở lên, mức trợ cấp ngày công lao động tăng thêm không thấp hơn 50% mức trợ cấp ngày công lao động hiện hưởng”.

Đối chiếu Nghị quyết số 45/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh và Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân có sự thay đổi.

Thực hiện quy định Chính phủ giao tại Điểm a, Khoản 4, Điều 1, Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/02/2025 của Chính phủ việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân trên địa bàn tỉnh Lai Châu thay thế Nghị quyết số 45/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh là cần thiết, phù hợp, đúng quy định

của pháp luật.

b. Mục đích ban hành

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, cụ thể hóa mức trợ cấp ngày công lao động cho lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền của tỉnh;

Bảo đảm đúng, đầy đủ chế độ chính sách cho lực lượng dân quân theo quy định của pháp luật.

2.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND gồm 5 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Quy định mức trợ cấp

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 5. Điều khoản thi hành

3. Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 18/6/2025 Quy định mức thu phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 18/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Hiện nay, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đang thực hiện thu các loại phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 42/2021/NQ-HĐND quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh; số 31/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí và mức thu phí, lệ phí tại biểu chi tiết kèm theo Nghị quyết số 42/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; số 74/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh với 18 danh mục, tại các danh mục phí có nhiều loại phí khác nhau và mức phí khác nhau.

Tại khoản 1, Điều 22 Luật Phí, lệ phí năm 2015 quy định thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau: “*Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền*”.

Tại khoản 2, Điều 6 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quy định về miễn, giảm

phí, lệ phí như sau: “2. Việc quyết định miễn, giảm phí, lệ phí, căn cứ vào:

a) Quy định tại các luật chuyên ngành và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật có liên quan về miễn, giảm phí, lệ phí.

b) Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ về các chính sách có liên quan đến miễn, giảm phí, lệ phí.

c) Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí”.

Bên cạnh đó, trong thời gian qua Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản giao UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, áp dụng chính sách thu phí không đồng thời thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến, tại các Văn bản:

(1) Thông báo số 56/TB-VPCP ngày 23/02/2025 của Văn phòng Chính phủ Kết luận Phiên họp tổng kết hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và Đề án 06 năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025; trong đó tại điểm đ khoản 1 Mục IV Thông báo này yêu cầu: “đ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện phân cấp ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính, áp dụng chính sách thu phí không đồng để thu hút người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến như mô hình thành phố Hà Nội đã triển khai ..., hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2025”.

(2) Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ Đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2025 và những năm tiếp theo; trong đó, tại gạch đầu dòng (-) thứ nhất, điểm o khoản 2 Chỉ thị này đề nghị UBND tỉnh như sau: “- Nghiên cứu, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đẩy mạnh chính sách thu phí "0 đồng" đối với việc thực hiện thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của địa phương, hoàn thành trong tháng 7 năm 2025”.

Theo báo cáo của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố thì hiện nay các dịch vụ công trực tuyến phát sinh thủ tục hành chính có thu phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh chủ yếu là các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, còn Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lai Châu và các huyện, thành phố có phát sinh nhưng rất ít và không phát sinh thủ tục hành chính trực tuyến trong năm 2024 và 2 tháng đầu năm 2025, cụ thể như sau:

- Đối với lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổng số hồ sơ phát sinh là 14.780 hồ sơ, trong đó: Hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình là: 42 hồ sơ/14.780 đạt 0,28%; Hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến một phần là 7.400 hồ sơ/14.780 đạt 50,07%; Hồ sơ còn lại là: 7.338 hồ sơ/14.780 đạt 49,65% (Hồ sơ chưa đáp ứng các tiêu chí của dịch vụ công trực tuyến quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ).

- Đối với lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tổng số hồ sơ phát sinh là 01 hồ sơ (*Không phát sinh hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần*).

- Sở Tư pháp, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lai Châu và các huyện, thành phố không phát sinh hồ sơ.

- Kết quả thu phí trong năm 2024: Tổng thu phí hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính năm 2024 là 730 triệu đồng (*Trong đó: Tổng số phí thu được khi xử lý hồ sơ trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần là: 199.056.500 đồng*).

Do đó, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thu phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

b. Mục đích ban hành

Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Thúc đẩy người dân, tổ chức thực hiện nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến, giảm chi phí đi lại cho tổ chức, cá nhân.

Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, cải cách hành chính, chuyển đổi số.

3.3. Nội dung chủ yếu

Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND gồm 4 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức thu phí

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 4. Điều khoản thi hành

4. Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 Quy định một số nội dung thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

4.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 30/6/2025.

Quyết định này thay thế Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 04

tháng 11 năm 2019 về thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, ngày 18 tháng 7 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (gọi tắt là Nghị định số 91/2024/NĐ-CP). Theo đó, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng. Cụ thể như:

Tại khoản 3 Điều 57 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP quy định: “*Cơ sở sản xuất công nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp sử dụng nguồn nước cho sản xuất công nghiệp thuộc các ngành nghề theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định danh sách, nguồn nước có sử dụng dịch vụ môi trường rừng, mức sử dụng nước tối thiểu đối với cơ sở sản xuất công nghiệp phải trả tiền trên địa bàn tỉnh*”.

Tại khoản 4 Điều 57 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP quy định: “*Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại điểm d khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp, bao gồm: các hoạt động dịch vụ lữ hành, vận tải khách du lịch, lưu trú du lịch, dịch vụ ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, tham quan, quảng cáo trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng*”.

Tại khoản 6 Điều 57 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP quy định: “*Cơ sở nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp là tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh sách tổ chức phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng*”.

Tại khoản 4 Điều 59 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 27 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP quy định: “*Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại điểm d khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp tối thiểu bằng 1% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ. Trường hợp chi trả ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, mức chi trả cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định*”.

Tại khoản 5 Điều 59 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 27 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP quy định: “*Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 Luật Lâm nghiệp tối thiểu bằng 1% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ. Trường hợp chi trả ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, mức chi trả cụ thể*

do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định”.

Tại điểm c khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương và hệ số K được quy định tại khoản 2 Mục III Phụ lục này, quy định, hướng dẫn áp dụng các hệ số K thành phần trên địa bàn tỉnh*”.

Tại khoản 1 Điều 71 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định: “*Căn cứ kế hoạch thu, chi được phê duyệt, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng và chi cho các đơn vị, tổ chức được giao hỗ trợ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ chi trả. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng*”.

Do đó, việc ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số nội dung thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu để thay thế Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu là cần thiết để đảm bảo tính pháp lý và thực tiễn quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

b. Mục đích ban hành

Việc quy định cụ thể một số nội dung thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu: Mức sử dụng nước tối thiểu đối với cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc các ngành nghề theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng; mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản; danh sách, nguồn nước có sử dụng dịch vụ môi trường rừng đối với cơ sở sản xuất công nghiệp; danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí; danh sách tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản; áp dụng hệ số K thành phần; tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng: Sẽ đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với các quy định hiện hành, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp, tạo khung pháp lý rõ ràng để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đồng thời đảm bảo việc chi trả dịch vụ môi trường rừng được thực hiện hiệu quả, điều này không chỉ tăng cường trách nhiệm và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân tham gia, mà còn thúc đẩy các hoạt động kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao đời sống cho người dân.

4.3. Nội dung chủ yếu

Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND gồm 5 Điều;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Quy định một số nội dung thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

Điều 5. Điều khoản thi hành

5. Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 Ban hành Quy chế kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai, đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

5.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có hiệu lực thi hành từ ngày 04/7/2025.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn toàn quốc được thực hiện theo Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; tuy nhiên đến nay Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 20/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, liên tịch ban hành.

Đến ngày 31/12/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Văn bản số 9353/BTNMT-ĐĐ về việc thực hiện cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công; theo đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường có đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương khẩn trương ban hành, sửa đổi, bổ sung cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo phân cấp đã được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai, đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Mục đích ban hành

Xây dựng Quy chế kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai, đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Lai Châu, làm cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực đất đai, đo đạc bản đồ bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Luật Đo đạc và Bản đồ năm 2018 và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

5.3. Nội dung chủ yếu

* Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND gồm 3 Điều;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định sản phẩm dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai, đo đạc bản đồ trên

địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

* Quy chế kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai, đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Lai Châu gồm 4 chương, 17 Điều, 2 phụ lục.

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Nguyên tắc kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định công trình, sản phẩm dịch vụ công

Điều 5. Mục đích kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định công trình, sản phẩm dịch vụ công

Điều 6. Cơ sở pháp lý để kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định công trình, sản phẩm dịch vụ công

Điều 7. Trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định công trình, sản phẩm dịch vụ công

Điều 8. Lập kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định công trình, sản phẩm dịch vụ công

Điều 9. Kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định công trình, sản phẩm dịch vụ công

Chương II. Nội dung kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ công

Điều 10. Nội dung, phương pháp, mức kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ công

Điều 11. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ công cấp đơn vị thi công

Điều 12. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ công cấp chủ đầu tư

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của đơn vị kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ công cấp chủ đầu tư

Chương III. Nội dung thẩm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ công

Điều 14. Thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm dịch vụ công

Điều 15. Nghiệm thu công trình, sản phẩm dịch vụ công

Điều 16. Giao nộp sản phẩm và hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm dịch vụ công

Chương IV. Điều khoản thi hành

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Phụ lục I. Nội dung và mức kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm dịch vụ công (gồm 27 nội dung kiểm tra, số thứ tự từ Mục I - Mục XXVII).

Phụ lục II. Các mẫu văn bản (gồm 12 mẫu, số thứ tự từ mẫu số 01 đến mẫu số 12.)

Trên đây là thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành trong tháng 6 năm 2025, Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục phổ biến, giáo dục pháp luật - Bộ Tư pháp;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Đài PTTH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (để đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh)
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT sở Tư pháp (đăng tải);
- Lưu: VP, HC&PBPL.

GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Hải